

Số: 30/2025/QĐST- HNGĐ

H, ngày 30 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - H, THÀNH PHỐ H

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 05/2025/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Anh Trần Nguyên L, sinh năm 1977.

Nơi cư trú: 36 Văn Th, phường Kim L, thành phố H.

Căn cước công dân số: 046077008xxx. Cấp ngày 04/10/2022. Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an.

- Chị Trần Thị Thanh H, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: 36 Văn Th, phường Kim L, thành phố H.

Căn cước số: 046185008xxx. Cấp ngày 21/4/2025. Nơi cấp: Bộ Công an

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Nguyên L và chị Trần Thị Thanh H kết hôn tự nguyện sau thời gian tìm hiểu khoảng 02 năm, được gia đình đồng ý tổ chức cưới theo phong tục địa phương và anh, chị đăng ký kết hôn tại UBND phường Phú H (nay phường Phú X), thành phố H ngày 18/5/2008. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận quan hệ hôn nhân của anh L, chị H là hợp pháp.

Sau kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc 10 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Do mâu thuẫn đã trầm trọng không thể khắc phục được nên anh L, chị H cùng nhất trí thuận tình ly hôn.

[2] Về nuôi con chung: Anh L, chị Hồng xác nhận vợ chồng có 03 con chung là Trần Đình Phương M, sinh ngày 26/8/2011, Trần Đình Q, sinh ngày 04/01/2018 và Trần Đình T, sinh ngày 26/6/2022. Nguyên vọng cháu M và cháu Q muốn ở chị Hồng, nên khi ly hôn vợ chồng thoả thuận giao cả 03 con chung cháu M, Q, T cho chị Hồng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh L không phải cấp dưỡng tiền nuôi 03 con chung.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh L, chị H xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh L, chị H mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 22 tháng 7 năm 2025), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn của anh Trần Nguyên L và chị Trần Thị Thanh H.

- Về nuôi con chung: Giao cả ba con chung cháu Trần Đình Phương M, sinh ngày 26/8/2011, Trần Đình Q, sinh ngày 04/01/2018 và Trần Đình T, sinh ngày 26/6/2022 cho chị Trần Thị Thanh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Trần Nguyên L không phải cấp dưỡng tiền nuôi 03 con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Trần Nguyên L và chị Trần Thị Thanh H xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Trần Nguyên L và chị Trần Thị Thanh H mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm. Anh L, chị H đã nộp tạm ứng lệ phí 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001351 ngày 04/7/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - H, nên được khấu trừ.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án

dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND thành phố H;
- VKSND khu vực 2- H;
- Phòng THADS khu vực 2- H;
- UBND phường Phú X; TP H;
(ĐKKH số 44 ngày 18/5/2008)
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Lê Tuyết Linh